

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KBANG
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2022/HNGĐ-ST**.

Ngày: 25/8/2022.

“V/v: Ly hôn giữa chị N và anh T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Hội.

2. Bà Võ Thị Cảnh.

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Toà án nhân dân (TAND)
huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 25/8/2022, tại trụ sở TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình (HN&GD) thụ lý số: 99/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/5/2022 về tranh chấp: ***“Kiện xin ly hôn”*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thanh N, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện K, tỉnh G.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện K, tỉnh G.

Chị Nhàn và anh Thạch vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thanh N và anh Nguyễn Ngọc T qua thời gian quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn (ĐKKH) tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã ĐăkHlơ, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai vào ngày 21/12/2018.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị N trình bày là do anh chị không hợp tính tình nhau, khác nhau về quan điểm sống và suy nghĩ, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung; anh T là người vô tâm trong cuộc sống hàng ngày không quan tâm đến gia đình, không lo

làm ăn để xây dựng kinh tế mà thường xuyên ham chơi nên cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, nặng nề, không hạnh phúc, hay xảy ra cãi vã, xích mích; do mâu thuẫn vợ chồng không thể hoá giải được nên anh chị đã sống ly thân với nhau đến nay đã hơn 2 năm. Chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn với nhau.

Về phía anh T thì anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N vì giữa anh và chị N đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh T không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Giấy ĐKKH mang tên Phạm Thị Thanh N-Nguyễn Ngọc T (*bản chính*), 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thị Thanh N (*bản sao*) và 01 Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Phạm Hồng L (*bản sao*).

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị N và anh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH tại UBND xã ĐăkHlơ, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai vào ngày 21/12/2018. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do chị N giao nộp là Giấy ĐKKH mang tên Phạm Thị Thanh N-Nguyễn Ngọc T (*bản chính*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] **Về tố tụng dân sự:** Chị Phạm Thị Thanh N có đơn khởi kiện đề nghị TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị và anh Nguyễn Ngọc T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị N và anh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH tại UBND xã ĐăkHlơ, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai vào ngày 21/12/2018 nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống, anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị N và anh T trình bày là do anh chị không hợp tính tình nhau, chung sống với nhau nhưng không có tình cảm, hai người khác nhau về quan điểm sống nên anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát; hiện anh chị sống ly thân với nhau đã hơn 2 năm nay. Do mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên cả chị N và anh T đều đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Như vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và anh chị cùng đồng thuận ly hôn nên cần căn cứ quy định tại các Điều 51 và 55 của Luật HN&GD năm 2014 để công nhận thỏa thuận thuận tình ly hôn cho anh chị.

[3] **Về con chung, tài sản chung và nợ chung:** Chị N và anh T không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[4] **Về án phí ly hôn sơ thẩm (LHST):** Chị N và T mỗi người phải chịu một nửa tiền án phí theo quy định là 150.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ vào các Điều 51, 55 và 57 của Luật HN&GD năm 2014;
-Căn cứ các Điều 28, 35, 93, 94, 143, 144, 147, 227, 228, 238 và 266 của BLTTDS năm 2015;
-Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Thanh N và anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về án phí: Chị N phải chịu 150.000 đồng án phí LH-ST; nhưng chị N được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0003486 ngày 04/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; chị N được hoàn trả lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí LH-ST đã nộp.

Anh T phải chịu 150.000 đồng án phí LH-ST.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, hai đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND Kbang;
-CCTHADS Kbang;
-Các đương sự;
-UBND cấp xã nơi ĐKKH;
-Lưu HSVA,VPTA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nguyên

CÁC HỘI THẨM ND

THẨM PHÁN-CTPT

Nơi nhận:

-TA tỉnh;

TÒA

-VKS KBang;

-THA KBang;

-Các đương sự;

-Lưu HS vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN**

Lê Văn Nguyên

